

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 438/2024/DS-PT

Ngày 22-8-2024

V/v tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tùng;

Ông Nguyễn Trung Dũng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đức Thoại – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 305/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2024/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 325/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 413/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1989; địa chỉ: số I, tổ A, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Hữu T, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn E, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ liên hệ: số D, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 30/3/2023), có mặt.

- **Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960, vắng mặt;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1965;

Cùng địa chỉ: số I, hẻm C, đường A, tổ A, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Mỹ L: Ông Lê Hữu T1, sinh năm 1978; địa chỉ: tổ D, khu phố D, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03/7/2023), vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ D1, sinh năm 1983; địa chỉ: số I, hẻm C, đường A, tổ A, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lý Khắc C – Chức vụ: Chi cục trưởng, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D và người đại diện hợp pháp của bà D là ông Lê Hữu T thống nhất trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Mỹ D là con ruột của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Mỹ L. Bà D sinh sống tại địa chỉ số I, tổ A, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương từ nhỏ đến nay. Năm 2008, ông H và bà L có xây dựng nhà trên đất, đến năm 2015, nhà xuống cấp nên bà D cùng với bà Nguyễn Thị Mỹ D1 (là chị ruột của bà D) đã đầu tư và thuê người sửa chữa lại một số hạng mục. Trên đất bà D trồng khoảng 100 cây tầm vông, 10 cây chuối, 01 cây cọ ké, 01 cây sấu, 02 cây bằng lăng, 01 cây sơ ri, 01 cây sa kê, 01 cây com nguội, 01 cây nguyệt quế, 04 cây lá kết. Ngoài ra, bà D còn đầu tư xây dựng trên đất 01 ao cá diện tích 36m², 01 giếng khoan, 01 máy bơm nước, 01 bồn nước inox có dung tích 500 lít, 01 đồng hồ điện.

Năm 2022, ông H khởi kiện bà L về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, ông H và bà L lại không đưa các tài sản trên đất của bà D và bà D1 đã đầu tư vào giải quyết.

Nay bà D khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Mỹ L phải thanh toán cho bà D trị giá tài sản bà D đã đầu tư trên phần đất của ông H và bà L, tạm tính số tiền yêu cầu là 300.000.000 đồng; cụ thể:

+ Cây trồng của bà D đã trồng trên đất trị giá khoảng 200.000.000 đồng, bao gồm: khoảng 100 cây tầm vông; 10 cây chuối; 01 cây cọ ké; 01 cây sấu; 02 cây bằng lăng; 01 cây sơ ri; 01 cây sa kê; 01 cây com nguội; 01 cây nguyệt quế; 04 cây lá kết.

+ Các công trình bà D đã đầu tư xây dựng trên đất trị giá khoảng

100.000.000 đồng, bao gồm: 01 ao cá có diện tích 36m²; 01 giếng khoan; 01 máy bơm nước; 01 bồn nước inox có dung tích 500 lít; 01 đồng hồ điện.

Quá trình giải quyết, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông H và bà L thanh toán giá trị tài sản bà D đã đầu tư theo giá của Hội đồng định giá đã định là 47.277.300 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông H đồng ý việc xây dựng ao cá và những tài sản trên đất theo đơn khởi kiện đều là do tiền của các con ông bỏ ra xây dựng và mua, trồng. Tuy nhiên, vào năm 2020, khi xảy ra tranh chấp, các con của ông H có yêu cầu hoàn trả lại số tiền trên thì vợ chồng ông H đã trả cho hai người con của ông mỗi người số tiền 500.000.000 đồng bằng tiền mặt, không có giấy tờ. Nay bà D khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải thanh toán số tiền 300.000.000 đồng thì ông H không đồng ý.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L và người đại diện hợp pháp của bà L là ông Lê Hữu T1 trình bày:

Người đại diện hợp pháp của bà L là ông Lê Hữu T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T1 không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn và cũng không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ D1 trình bày:

Bà D1 thống nhất với nội dung đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ D. Vào năm 2008, ông H và bà L xây dựng căn nhà trên đất, đến năm 2015 thì một số hạng mục xuống cấp nên bà D1 và bà D có đầu tư và thuê người sửa chữa lại nhà với số tiền khoảng 500.000.000 đồng. Do hiện nay bà D1 chưa tìm được người sửa nhà vào thời điểm đó nên chưa thể xác nhận được. Khi nào xác nhận được bà D1 sẽ giao nộp cho Tòa án và có yêu cầu độc lập sau. Bà D1 xác nhận về phần tài sản mà bà D khởi kiện thì nguồn tiền là của bà D và bà D1. Nay bà D1 đồng ý cho lại bà D toàn bộ giá trị các tài sản trên. Việc ông H trình bày đã trả cho bà D1 và bà D mỗi người số tiền 500.000.000 đồng là không chính xác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương trình bày:

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương đang thụ lý thi hành các bản án, quyết định của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đối với bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1965 và ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960; cùng địa chỉ: số B, đường Đ, tổ A, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

+ Quyết định số 13/2017/QĐ-PT ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 2960/QĐ-CCTHADS ngày 07/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương), nội dung: “bà Nguyễn Thị Mỹ L có trách nhiệm thanh toán cho bà Trà Thị X số

tiền 223.050.000 đồng (hai trăm hai mươi ba triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) và lãi suất chậm thi hành án”.

+ Bản án dân sự phúc thẩm số 235/2018/DS-PT ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (Quyết định thi hành án chủ động số 1087/QĐ-CCTHADS ngày 19/12/2018 và Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1098/QĐ-CCTHADS ngày 26/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T), nội dung: “bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn H phải nộp số tiền 92.880.716 đồng (chín mươi hai triệu tám trăm tám mươi ngàn bảy trăm mười sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm; bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn H1 tổng số tiền 3.044.035.818 đồng (ba tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu không trăm ba mươi lăm ngàn tám trăm mười tám đồng) và lãi suất chậm thi hành án”.

+ Bản án dân sự phúc thẩm số 203/2019/DS-PT ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 290/QĐ-CCTHADS ngày 08/11/2019 và Quyết định thi hành án chủ động số 86/QĐ-CCTHADS ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T), nội dung: “bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm thanh toán cho bà Hoàng Thị N và ông Lê Hùng P tổng số tiền 219.150.000 đồng (hai trăm mười chín triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) và lãi suất chậm thi hành án; bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn Hoàng liên đ nộp số tiền 10.300.000 đồng (mười triệu ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm”.

+ Quyết định số 76/2018/QĐST-DS ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương (Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1272/QĐ-CCTHADS ngày 21/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T), nội dung: “bà Nguyễn Thị Mỹ L có trách nhiệm thanh toán cho bà Lưu Thị H2 số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và lãi suất chậm thi hành án”.

+ Bản án dân sự phúc thẩm số 192/2021/DS-PT ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 577/QĐ-CCTHADS ngày 15/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T), nội dung: “bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm bồi thường cho bà Phan Thị Bé B và ông Trần Văn Q số tiền 5.959.200.000 đồng (năm tỷ chín trăm năm mươi chín triệu hai trăm ngàn đồng) và lãi suất chậm thi hành án”.

+ Bản án dân sự phúc thẩm số 212/2020/DS-PT ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương ủy thác đến (Quyết định thi hành án chủ động số 418/QĐ-CCTHADS ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T), nội dung: “bà Nguyễn Thị Mỹ L nộp số tiền 37.200.000 đồng (ba mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm”.

Quá trình xác minh điều kiện thi hành án của bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Văn H được biết ông Nguyễn Văn H có đứng tên quản lý các quyền sử

dụng đất sau đây: quyền sử dụng đất có diện tích 848m² thuộc thửa đất số 1370, tờ bản đồ số 08 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN635145, số vào sổ H45245 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/11/2008 và quyền sử dụng đất có diện tích 194,5m² thuộc thửa đất số 598, tờ bản đồ số 08 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ435148, số vào sổ H12729 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 09/5/2006.

Do ông H và bà L không tự nguyện thi hành án nên ngày 26/11/2020, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tiến hành kê biên toàn bộ 02 quyền sử dụng đất nêu trên và các tài sản gắn liền trên đất để bảo đảm thi hành án. Tài sản kê biên gồm:

+ Quyền sử dụng đất có diện tích đo đạc thực tế là 199,2m² (bao gồm 50m² đất ở đô thị và 149,2m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất mới số 3118 (thửa đất cũ số 598), tờ bản đồ mới số 08-14 (tờ bản đồ cũ số 08) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ435148, số vào sổ H12729 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 09/5/2006.

+ Quyền sử dụng đất có diện tích đo đạc thực tế là 828,1m² (bao gồm 50m² đất ở đô thị và 778,1m² đất trồng cây lâu năm), thuộc thửa đất mới số 3119 (thửa đất cũ số 1370), tờ bản đồ mới 08-14 (tờ bản đồ cũ số 08) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN635145, số vào sổ H45245 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/11/2008.

+ Tài sản gắn liền trên 02 thửa đất nêu trên gồm: 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 122,3m²; mái hiên lớn và nhỏ có tổng diện tích 61,2m²; hệ thống cổng, tường rào (gồm trụ cổng hàng rào có thể tích 1.472m³, cửa cổng sắt có diện tích 11,25m² và tường rào bao quanh có diện tích 103,5m²); sân tráng xi măng có tổng diện tích 76,9m²; 01 bồn nước bằng inox có dung tích 500 lít; 01 ao cá có diện tích khoảng 36m²; 01 máy bơm nước; 01 giếng khoan và 01 đồng hồ điện kế.

Sau khi kê biên, Chấp hành viên đã thực hiện việc thẩm định giá theo quy định. Căn cứ kết quả thẩm định giá ngày 10/02/2022 của Công ty Cổ phần T2 xác định tổng giá trị tài sản đã kê biên là 9.929.554.137 đồng. Tuy nhiên, do ông H không đồng ý với kết quả thẩm định giá nên đã đề nghị Chấp hành viên thực hiện lại việc thẩm định giá. Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số Vc 13/22/BĐS-LAHA ngày 09/3/2022 của Công ty TNHH D2 xác định tổng giá trị tài sản kê biên sau khi thẩm định giá lại là 10.734.291.292 đồng. Do ông H khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với bà L nên Chấp hành viên vẫn chưa tiến hành thực hiện việc bán đấu giá tài sản theo quy định.

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết xong vụ án chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Mỹ L thì bà Nguyễn Thị Mỹ D tiếp tục khởi kiện tranh chấp tài sản chung với ông H và bà L nên đến thời điểm hiện nay Chấp hành viên vẫn chưa tiến hành thực hiện việc bán đấu giá tài sản theo quy định.

Nay Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương thông báo quá trình tổ chức thi hành các bản án, quyết định nêu trên và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc khởi kiện của bà D theo quy định pháp luật và phải đảm bảo quyền lợi cho những người được thi hành theo các bản án, quyết định nêu trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2024/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Mỹ L về việc “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự”.

Ngoài ra bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/6/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà D là ông Lê Hữu T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bị đơn ông Nguyễn Văn H có đơn xin hoãn phiên tòa. Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L là ông Lê Hữu T1 vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối với đơn yêu cầu hoãn phiên tòa của bị đơn ông Nguyễn Văn H. Xét, phiên tòa phúc thẩm lần hai, ông H có đơn hoãn phiên tòa, qua xem xét chứng cứ ông H kèm theo, không thuộc trường hợp bất khả kháng. Đồng thời, ông H là người không có đơn kháng cáo nên việc giải quyết vắng mặt ông H không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn hoãn phiên tòa của ông H và tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L là ông Lê Hữu T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ D1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án

dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tài sản bà D tranh chấp, yêu cầu bị đơn ông H, bà L thanh toán giá trị tài sản gồm:

+ Trên thửa đất số 1370 (số thửa đất mới 3119), tờ bản đồ số 08 (số mới 08-14) có các tài sản gồm: 100 cây tầm vông; 02 cây chuối; 01 cây cọ ké; 01 cây sấu; 02 cây bằng lăng; 01 cây com nguội; 01 ao cá có diện tích 36m²; 01 giếng khoan; 01 máy bơm nước; 01 bồn nước inox có dung tích 500 lít; 01 đồng hồ điện.

+ Trên thửa đất số 598 (số thửa đất mới 3118), tờ bản đồ số 08 (số mới 08-14) có các tài sản gồm: 01 cây sơ ri; 01 cây sa kê; 01 cây nguyệt quế; 04 cây lá két (02 cây trồng chậu và 02 cây trồng dưới đất).

[4] Các chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1370 (số thửa đất mới 3119), tờ bản đồ số 08 (số mới 08-14) và thửa đất số 598 (số thửa đất mới 3118), tờ bản đồ số 08 (số mới 08-14) là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa ông H và bà L.

[5] Ông H, bà L là người phải thi hành án theo các Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 2960/QĐ-CCTHADS ngày 07/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương; Quyết định thi hành án chủ động số 1087/QĐ-CCTHADS ngày 19/12/2018 và Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1098/QĐ-CCTHADS ngày 26/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương; Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 290/QĐ-CCTHADS ngày 08/11/2019 và Quyết định thi hành án chủ động số 86/QĐ-CCTHADS ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương; Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1272/QĐ-CCTHADS ngày 21/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương; Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 577/QĐ-CCTHADS ngày 15/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương; Quyết định thi hành án chủ động số 418/QĐ-CCTHADS ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do ông H, bà L không tự nguyện thi hành án nên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản đối với thửa đất số 1370 (số thửa đất mới 3119), tờ bản đồ số 08 (số mới 08-14) và thửa đất số 598 (số thửa đất mới 3118), tờ bản đồ số 08 (số mới 08-14) cùng toàn bộ các tài sản trên theo Quyết định về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 52/QĐ-CCTHADS ngày 18/8/2020.

[6] Sau khi có quyết định kê biên, ông H và bà L tranh chấp chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân đối với các quyền sử dụng đất bị kê biên và tài sản trên đất gồm căn nhà cấp 4; 02 nhà tạm; sân xi măng; cổng và tường rào. Vụ án đã được Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương thụ lý giải quyết. Quá trình giải quyết, Tòa án xác định bà Nguyễn Thị Mỹ D và bà Nguyễn

Thị Mỹ D1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Trong vụ án này, bà D chỉ yêu cầu xem xét quyền lợi cho bà D và bà D1 đối với công sức đóng góp sửa chữa ngôi nhà cấp 4 trên đất và không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với các tài sản gắn liền trên đất. Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 119/2022/HNGĐ-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương và Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 06/2023/HNGĐ-PT ngày 28/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã tuyên giao cho ông H quản lý, sử dụng hai thửa đất nêu trên và ông H có trách nhiệm thanh toán cho bà L 50% giá trị tài sản. Như vậy, hai bản án nêu trên đã có hiệu lực pháp luật, không bị kháng nghị theo thủ tục tái thẩm hoặc giám đốc thẩm nên những tình tiết đã được xác định trong 02 bản án nêu trên là tình tiết tình không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào bản án sơ thẩm nêu trên, bà D không có bất kỳ tài sản gì trên hai thửa đất.

[7] Bà D cho rằng các tài sản trên 02 thửa đất trên gồm 100 cây tầm vông; 02 cây chuối; 01 cây cọ kè; 01 cây sấu; 02 cây bằng lăng; 01 cây cơm nguội; 01 ao cá có diện tích 36m²; 01 giếng khoan; 01 máy bơm nước; 01 bồn nước inox có dung tích 500 lít; 01 đồng hồ điện; 01 cây sơ ri; 01 cây sa kê; 01 cây nguyệt quế; 04 cây lá kết (02 cây trồng chậu và 02 cây trồng dưới đất) là tài sản bà D trồng và xây dựng. Tuy nhiên, bà D không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà D là ông Lê Hữu T cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D là có căn cứ.

[8] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của nguyên đơn bà D là không có căn cứ chấp nhận.

[9] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.
 - Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D.
 2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2024/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.
 3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án 0004513 ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Mộng Tuyết